

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 861/2025/DS-ST

Ngày: 29-09-2025

V/v hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Hoàng Thu

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 573/2024/QĐXXST-DS ngày 12/07/2024, ngày 48/2025/QĐXXST-DS ngày 07/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 500/2024/QĐST-DS ngày 09/08/2025, số: 694/2024/QĐST-DS ngày 09/09/2025, số: 126/2025/QĐST-DS ngày 06/08/2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 13/2025/TB-TA ngày 27-08-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thu H**, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 10/2 ấp B, xã Đ (xã C, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sơn D, sinh năm: 1996. Địa chỉ: số E8/3 đường T, xã N (thị trấn C, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số công chứng: 004892, Quyền số: 05/2018/HĐGD-CCAL ngày 22/05/2018 lập tại Văn phòng Công chứng An Lạc, số E6/12 Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: E3/9A tổ M, ấp N, xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1963. Địa chỉ: số 532/1/19 Khu y tế Kỹ thuật cao, khu phố C, phường A (phường B, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số công chứng: 002542, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/06/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Phạm Thùy Nhiên Hương, số 2090 đường Vĩnh Lộc, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: E3/9A tổ H, ấp Q, xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1963. Địa chỉ: số 532/1/19 Khu y tế Kỹ thuật cao, khu phố C, phường A (phường B, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số công chứng: 002542, Quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/06/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Phạm Thùy Nhiên Hương, số 2090 đường Vĩnh Lộc, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Nh**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: 10/2 ấp B, xã Đ (xã C, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (nộp đơn xin vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Công P**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: 19/2 ấp T, xã B (xã Đ, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (nộp đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn L**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: 400/1 Tân Kỳ Tân Q, phường T (phường S, quận P cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (nộp đơn xin vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: D11/54K ấp Q, xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018, biên bản hoà giải ngày 04/5/2021, biên bản đối chất ngày 18/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Sơn D trình bày như sau:

Do mối quan hệ làm ăn quen biết từ tháng 4/2017 đến tháng 11/2017 bà Trương Thị Thu H có cho bà Nguyễn Thị L mượn tiền nhiều lần, có giấy xác nhận nợ, cho mượn không tính lãi với tổng số tiền là 325.000.000 đồng như sau:

- Ngày 29/4/2017 âm lịch bà L mượn 135.000.000 đồng;
- Ngày 04/5/2017 âm lịch bà H cho bà L mượn tiếp 10.000.000 đồng;
- Ngày 19/5/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 26/5/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/6/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 25/6/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 29/6/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 06/6/2017 âm lịch (nhuận tháng 6) bà L mượn 15.000.000 đồng;
- Ngày 17/6/2017 âm lịch (nhuận tháng 6) bà L mượn 20.000.000 đồng;
- Ngày 28/6/2017 âm lịch bà L mượn 10.000.000 đồng;
- Ngày 17/8/2017 âm lịch bà L mượn 30.000.000 đồng;
- Ngày 26/8/2017 âm lịch bà L mượn 20.000.000 đồng;
- Ngày 13/10/2017 âm lịch bà L mượn 30.000.000 đồng;
- Ngày 20/11/2017 âm lịch bà L mượn 20.000.000 đồng (do chị T, chị N đứng mượn giùm bà L).

Bà L hứa đến tháng 02/2018 bán nhà sẽ trả cho bà H số tiền nêu trên, nhiều lần bà H yêu cầu bà L thực hiện lời hứa nhưng đến nay bà L vẫn không trả tiền cho bà H. Riêng số tiền 20.000.000 đồng bà T và bà N nhận thay để đưa cho bà L vào ngày 20/11/2017 thì bà H không yêu cầu bà L trả vì hiện tại bà H không biết rõ bà T và bà N nhà ở đâu để cung cấp cho Tòa án. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà H số tiền nợ từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2017 tổng cộng là 305.000.000 đồng (ba trăm linh năm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên .

Tại bản tự khai ngày 20/5/2019, biên bản hoà giải ngày 04/5/2021, biên bản đối chất ngày 18/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn – bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Chí L trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L xác nhận có vay tiền nhiều đợt với thời gian ngắn của bà Trương Thị Thu H và sau đó bà L đã trả đủ số tiền nêu trên cho bà H (tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2021), việc bà L vay tiền và trả tiền cho bà H đều thông qua bà Nguyễn Thị Kim Nh, bà Nh có làm giấy và tự bà Nh viết tay thừa nhận có nhận đủ tiền của bà Nguyễn Thị P (em ruột bà L) số tiền 40 triệu đồng, đồng thời tại giấy cam kết bà Nh có tự ghi và ký tên H: *“Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng xóa nợ đã xong”*. Tổng Cộng bà L có trả tiền cho bà Trương Thị Thu H thông qua bà Nh số tiền 340 triệu đồng. Trường hợp bà Nh trình bày bà L trả số tiền nợ cho khoản tiền nợ riêng khác mà bà L đã mượn bà Nh trước đây, thì đề nghị bà Nh cung cấp giấy mượn nợ để chứng minh số nợ giữa bà L và bà Nh có mượn trước đây. bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Trương Thị Thu H, vì bà L đã trả xong nợ cho bà H thông qua bà Nh.

Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L và đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Chí L vắng mặt không lý do.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2021, biên bản đối chất ngày 18/12/2019, biên bản hoà giải ngày 04/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim Nh trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nh có cho bà Nguyễn Thị L vay tổng số tiền khoảng 380 triệu đồng, sau đó hai bên thống nhất số nợ là 340 triệu đồng. Đến tháng 4/2017 do bà L có nhu cầu vay thêm tiền nên bà Nh giới thiệu bà Trương Thị Thu H cho bà L để vay mượn thêm. bà H trực tiếp đưa tiền cho bà L mượn tiền nhiều lần không tính lãi với số tiền 325.000.000 đồng, trong đó bà Nh có ký tên chứng kiến việc bà H cho bà L mượn số tiền 135 triệu đồng, còn những lần sau đó bà H đưa tiền cho bà L mượn tiền thì bà Nh có chứng kiến nhưng không có ký tên chứng kiến. Riêng đối với giấy viết tay đề ngày 12/3 bà Nh có nhận của bà Nguyễn Thị P số tiền 40 triệu đồng thay bà L thì đây là số tiền nợ riêng mà bà L thiếu của bà Nh, chứ không phải trả nợ cho bà H. Còn tại Giấy cam kết bà Nh có ghi : *“Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng xóa nợ đã xong”* và ký tên nguyên đơn là **do ông Nguyễn L cầm tiền tới trả**, bà Nh ghi tên Trương Thị Thu H (nguyên đơn) và ký tên H là do nhầm lẫn vì lúc đó đang nói về bà H (nguyên đơn), chứ thực tế số tiền trả nợ riêng giữa bà Nh và bà L, số tiền này không liên quan đến bà H (nguyên đơn), việc mượn tiền giữa bà Nh và bà L là không có ghi giấy tờ, chỉ nói miệng. Việc bà H kiện bà L đòi số tiền 305 triệu đồng thì bà Nh không biết gì, tự bà H và bà L giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim Nh vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/05/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn H trình bày như sau:

Ông Trần Văn H là cH của bà Nguyễn Thị L, sự việc vay tiền giữa bà Trương Thị Thu H và vợ ông H như thế nào thì ông H không hề biết, cũng không thấy tiền đâu, đến khi bà Nguyễn Thị Kim Nh cầm giấy xác nhận nợ thì ông H mới biết, theo lời vợ

ông H thì số tiền mượn chỉ có 5, 10 triệu đồng thôi, số tiền ghi trong giấy xác nhận nợ là tiền lời không đúng sự thật như yêu cầu khởi kiện của bà H, ông H yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H vắng mặt không lý do.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Công P trình bày như sau:

Ông Nguyễn Công P là chồng bà Trương Thị Thu H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/01/2008. Do có mối quan hệ quen biết từ tháng 4/2017 đến tháng 11/2017 vợ ông P có cho bà Nguyễn Thị L mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 325.000.000 đồng, đây là tài sản riêng của vợ ông P, nên ông P không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của vợ ông P.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công P vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2019, biên bản đối chất ngày 18/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng – ông Nguyễn L trình bày như sau:

Vào lúc 10 giờ, ngày 10/03/2018 ông Nguyễn L có đại diện gia đình bà Nguyễn Thị L đến xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh gặp bà Nguyễn Thị Kim Nh trả số tiền 300.000.000 đồng, bà Nh nhận tiền và có ghi: “Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng” và ký tên H. Ông Luân cam đoan lời trình bày nêu trên là đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa ông Nguyễn L vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/05/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng – bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Vào ngày 12/3/2018 Bà P có cho chị Bà P là bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 40.000.000 đồng để trả cho bà Nguyễn Thị Nh, Bà P trực tiếp đưa tiền cho bà Nh nhận tại nhà người em của bà Nh, bà Nh có ký giấy nhận tiền. Bà P cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự xác định bà Nguyễn Thị L có vay của bà Trương Thị Thu H nhiều lần tổng cộng là 325 triệu đồng. Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu bà L trả 305 triệu đồng, không tính lãi rút số tiền 20 triệu đồng là có cơ sở bà L có mượn tiền của bà Trương Thị Thu H. Bị đơn và đại diện bị đơn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu H. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10) yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 305.000.000 đồng (ba trăm lẻ năm triệu đồng), bà Nguyễn Thị L đang cư ngụ tại E3/9A tổ M, ấp N, xã V (xã A, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Kim Nh, ông Nguyễn Công P cùng với người làm chứng: ông Nguyễn L vắng mặt và nộp đơn xin vắng mặt tòa chấp nhận. Bị đơn – bà Nguyễn Thị L và đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Chí L vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định là phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[3] Do giao dịch dân sự giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 làm cơ sở giải quyết.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện nguyên đơn – ông Nguyễn Sơn D yêu cầu bị đơn – bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay mượn tổng cộng là 305.000.000 đồng.

[5] Bị đơn - bà Nguyễn Thị L và đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại các phiên tòa bị đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn vắng mặt không lý do, cho nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu trình bày của mình tại phiên tòa Tòa xét xử.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn H là cH của bị đơn vắng mặt không lý do tại các phiên tòa, cho nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu trình bày của mình tại phiên tòa Tòa xét xử.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Từ tháng 4/2017 đến tháng 11/2017 Nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 325.000.000 đồng, có giấy xác nhận nợ, cho mượn không tính lãi. Cụ thể các ngày âm lịch là ngày 29/4/2017 mượn 135.000.000 đồng; ngày 04/5/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 26/5/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 16/6/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày

25/6/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 29/6/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 06/6/2017 mượn 15.000.000 đồng; ngày 17/6/2017 mượn 20.000.000 đồng; ngày 28/6/2017 mượn 10.000.000 đồng; ngày 17/8/2017 mượn 30.000.000 đồng; ngày 26/8/2017 20.000.000 đồng; ngày 13/10/2017 mượn 30.000.000 đồng; ngày 20/11/2017 mượn 20.000.000 đồng (do chị T, chị N đứng mượn giúp bà L nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền này). Bị đơn cho rằng không biết nguyên đơn là ai, bị đơn có vay và viết giấy nợ theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim Nh, trong giấy ghi nợ bà Nh yêu cầu người cho vay là Trương Thị Thu H (nguyên đơn), bị đơn đã trả số tiền nợ 300.000.000 đồng cho bà Nh có ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị P làm chứng và trao trả số tiền này cho bà Nh, bà Nh có ghi giấy xác nhận “Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng, xóa nợ đã xong.”. Do đó, bị đơn không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn và có nộp đơn yêu cầu phản tố ngày 22/10/2024 nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phản tố theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phản tố số: 1730/TB-TA ngày 22/10/2024 của Tòa án, đến nay bị đơn không đến Tòa án để tiếp tục yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

[9] bà Nh xác nhận có nhận 300 triệu đồng của gia đình bị đơn nhưng số tiền này là số tiền bị đơn nợ riêng của bà Nh, nhưng bà Nh và bà L không có ghi giấy nợ, bà Nh trình bày tên phía ngoài của bà Nh tên là H. bà Nh xác nhận có giới thiệu bị đơn mượn tiền của bà Trương Thị Thu H (nguyên đơn) nhiều lần tổng cộng là 325 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà Nh sau khi nhận tiền có ghi giấy: “Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng, xóa nợ đã xong”. Tại biên bản đối chất ngày 18/12/2019 (bút lục 96) bà Nh thừa nhận chính mình ghi nội dung (bút lục 96) và có nhận số tiền 300 triệu đồng của gia đình bị đơn và ký tên “H”, việc bà Nh xác nhận tên thường gọi bên ngoài là “H Ngọc” là có mâu thuẫn với việc ký tên H và ghi “Tôi tên Trương Thị Thu H có nhận ...” là có gian dối. Tại biên bản hòa giải ngày 04/05/2021 (bút lục 102), bà Nh trình bày lúc ông Nguyễn L cần tiền tới trả, bà Nh ghi và ký tên bà Trương Thị Thu H là do nhầm lẫn. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà Nh là không trung thực.

[10] Bà Trương Thị Thu H xác nhận có biết bà Nguyễn Thị L (bị đơn) nhưng mỗi lần cho vay thì không ra mặt mà nhờ bà Nh đưa giấy cho bị đơn ký. Qua lời trình bày của người làm chứng thì bị đơn có trả tiền 300.000.000 đồng cho bà Nh nhận, không phải là bà Trương Thị Thu H nhưng lại để bà Nh ký tên ghi nhận “Tôi là Trương Thị Thu H có nhận của gia đình chị L 300 triệu đồng”, bà Nh không có tài liệu chứng cứ gì về việc bị đơn nợ tiền bà Nh, để buộc bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho bà Trương Thị Thu H thì bị đơn phải có yêu cầu phản tố đòi trừ nghĩa vụ, Tòa án có giao thông báo cho đại diện ủy quyền của bị đơn để đóng tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng đại diện bị đơn không thực hiện, do đó không thể thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng này cho bà Trương Thị Thu H, Tòa án không tiến hành hòa giải cho yêu cầu phản tố, đề nghị bà Nguyễn Thị Kim Nh cung cấp tài liệu, chứng cứ là bị đơn thiếu nợ bà Nh 300 triệu đồng. Tòa án đã cho bị đơn thời gian để hoàn thành thủ tục tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn cố tình né tránh, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bị đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn vắng mặt nên coi như từ bỏ quyền trình bày của mình và nghĩa vụ thực hiện tố tụng theo thông báo nộp tiền án phí phản tố cho đơn yêu cầu phản tố của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho bị đơn bằng vụ án tranh chấp khác đối với bà Nguyễn Thị Kim Nh, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở xem xét phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[11] Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.
 - Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.
- Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu H buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng).
- Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà Trương Thị Thu H số tiền 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng).

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Nguyễn Thị L được quyền khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kim Nh về số tiền bà Nguyễn Thị L giao cho bà Nguyễn Thị Kim Nh theo quy định pháp luật.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.250.000 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Trương Thị Thu H là 8.125.000 đồng (Tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005216 ngày 05/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (12);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi